

Số: 141 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương năm 2022

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

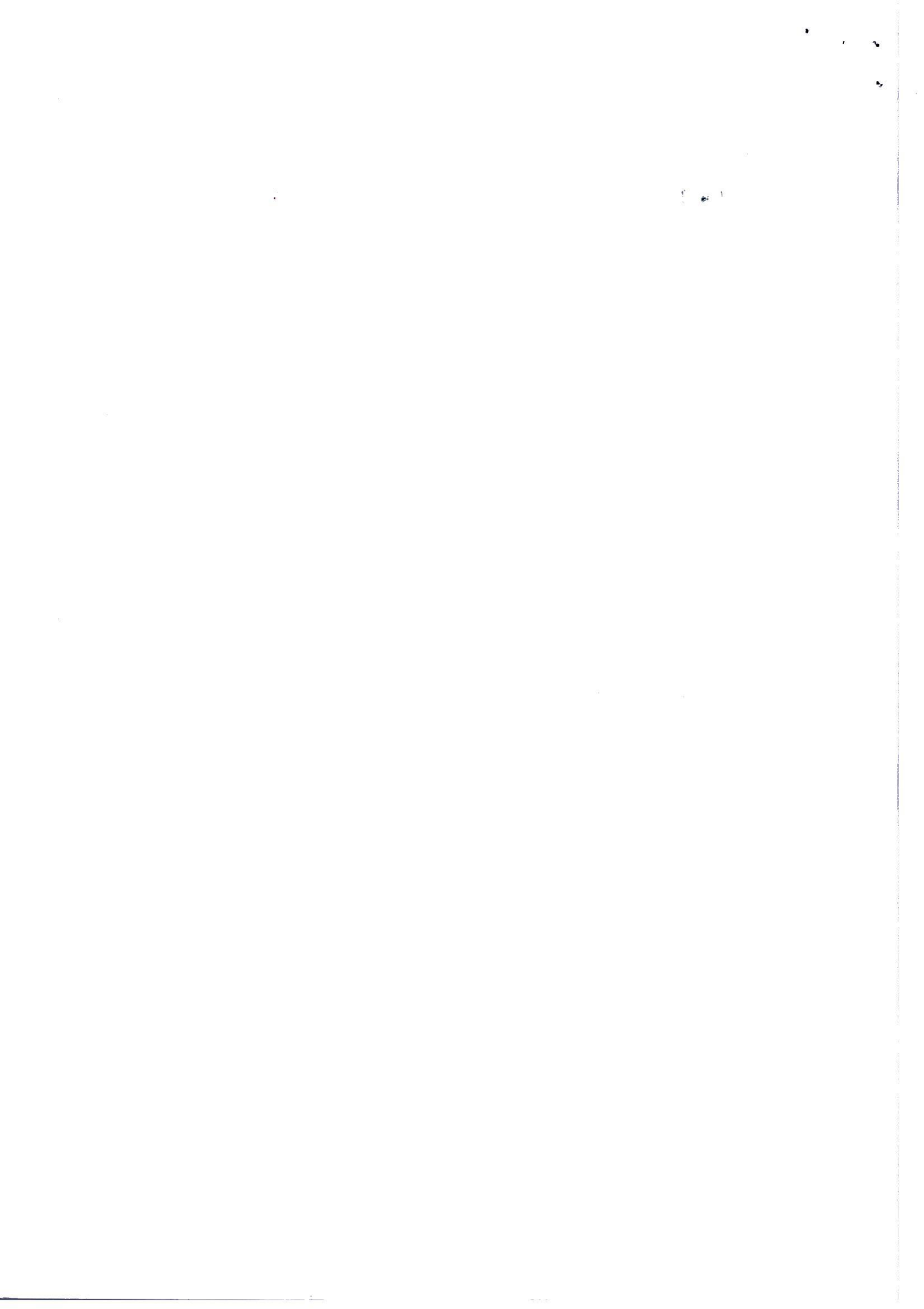
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương năm 2022 (Phụ lục I) và Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương năm 2022 (Phụ lục II).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách



nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC (15).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân



PHỤ LỤC I
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ
THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 161 /QĐ-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|---------------------------|---------------------------|--|--|---|------------------------|
| NGHỊ ĐỊNH | | | | | |
| 1. | Nghị định | 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 | quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường | Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường. | 15/7/2022 ¹ |
| 2. | Nghị định | 78/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2019 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường | | 15/7/2022 |
| 3. | Nghị định | 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 | quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương | Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương. | 01/12/2022 |
| THÔNG TƯ LIÊN TỊCH | | | | | |
| 4. | Thông tư liên tịch | 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2015 | hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện | Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung | 15/3/2022 |

¹ Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023.

| THÔNG TƯ | | | |
|-----------------|-----------------|--|---|
| 5. | Thông tư | 06/2019/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2019 | quy định của khẩu nhập khẩu ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi |
| | | | Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 21/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định của khẩu nhập khẩu ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi. |
| 6. | Thông tư | 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 | quy định về xuất khẩu khoáng sản |
| | | | Hết hiệu lực theo khoản 1 Điều 7 Thông tư số 23/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về danh mục chủng loại, tiêu chuẩn chất lượng khoáng sản xuất khẩu do Bộ Công Thương quản lý. |
| 7. | Thông tư | 12/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 | sửa đổi một số điều của Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương |
| | | | Hết hiệu lực theo khoản 1 Điều 7 Thông tư số 23/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về danh mục chủng loại, tiêu chuẩn chất lượng khoáng sản xuất khẩu do Bộ Công Thương quản lý. |
| 8. | Thông tư | 26/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2013 | quy định về mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường |
| | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 22/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường. |
| 9. | Thông tư | 08/2018/TT-BCT ngày | sửa đổi, bổ sung quy định về mẫu biên |
| | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 |
| | | | 01/02/2022 |

| | | | | |
|-----|---|---|--|------------|
| | 02 tháng 5 năm 2018 | bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính của Quản lý thị trường | Điều 9 Thông tư số 22/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường. | |
| 10. | Thông tư 09/2018/TT-BCT ngày 23 tháng 05 năm 2018 | quy định tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ các ngạch công chức Quản lý thị trường. | Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 02/2022/TT-BCT ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức Quản lý thị trường. | 01/4/2022 |
| 11. | Thông tư 28/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 7 năm 2011 | hướng dẫn quản lý kinh doanh xăng dầu tại khu vực biên giới | Hết hiệu lực theo quy định của Thông tư số 08/2022/TT-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 28/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn quản lý kinh doanh xăng dầu tại khu vực biên giới | 20/5/2022 |
| 12. | Thông tư 53/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá | Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 30/2022/TT-BCT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. | 20/12/2022 |



PHỤ LỤC II

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN
THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **161** /QĐ-BCT ngày **20** tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|------------------|------------------|---|---|---|-------------------|
| NGHỊ ĐỊNH | | | | | |
| 1. | Nghị định | 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu | <ul style="list-style-type: none">- Khoản 2 Điều 2;- Khoản 1, khoản 3, khoản 7, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 3;- Khái niệm “đồng sở hữu”;- Khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 7;- Điểm a, điểm d khoản 2 và khoản 6 Điều 8;- Khoản 1, khoản 2, khoản 6, khoản 7, khoản 11, khoản 18 Điều 9;- Khoản 1, khoản 3, khoản 8 Điều 11;- Khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 13;- Điểm d khoản 2 Điều 14;- Khoản 1, khoản 4, khoản 7 Điều 15;- Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 16;- Điểm d khoản 3 Điều 17;- Khoản 7 Điều 18;- Khoản 2 Điều 19;- Khoản 3 Điều 20;- Khoản 2 Điều 22; | Hết hiệu lực theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. | 02/01/2022 |

| | | | | |
|----|------------------|---|---|------------|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2, khoản 3 Điều 24; - Điểm d khoản 2 Điều 25; - Khoản 6 Điều 26; - Khoản 1 và khoản 4 Điều 29; - Các Điều 31, 33, 34, 36, 37, 38; - Khoản 2 Điều 39; - Điểm đ, e khoản 1, điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 40; - Khoản 6 Điều 41. | | |
| 2. | Nghị định | <p>52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 1; - Điểm c khoản 1 Điều 2; - Điểm a khoản 1 Điều 4; - Khoản 1 Điều 5; - Khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 24; - Khoản 1 Điều 25; - Điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 26; - Khoản 1 và khoản 7 Điều 27; - Khoản 3 Điều 29; - Điều 30; - Điểm b khoản 1 Điều 32; - Điểm d khoản 1 Điều 33; - Khoản 2 Điều 35; - Khoản 1, khoản 3, khoản 8, khoản 9 Điều 36; - Điểm c, điểm đ, điểm g khoản 2 Điều 38; - Khoản 1 Điều 53; - Điểm a khoản 3 Điều 54; - Điểm b khoản 2 Điều 55; - Khoản 1 Điều 60; | <p>Hết hiệu lực theo Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.</p> | 01/01/2022 |

| | | | | | |
|----|------------------|---|---|--|------------|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 63; - Điều 80; - Khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 44, khoản 2 Điều 60 và Điều 62; - Cụm từ “hoặc chưa được cấp phép” tại điểm d khoản 1 Điều 4; cụm từ “hoặc xin cấp phép” tại điểm e khoản 1 Điều 4; cụm từ “đã được cấp phép” tại điểm b khoản 3 Điều 9; cụm từ “thủ tục xin cấp phép” tại điểm c khoản 2 Điều 64; cụm từ “chấm dứt hoặc bị thu hồi giấy phép” tại điểm 1 khoản 1 Điều 78; cụm từ “tước quyền sử dụng giấy phép” tại khoản 2 Điều 78. | <p>Hết hiệu lực theo Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.</p> | 31/01/2022 |
| 3. | Nghị định | 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 2 Điều 2; - Khoản 3 Điều 5; - Khoản 2, 3 Điều 14; - Khoản 2, 4 Điều 15; - Khoản 1, 2, 3, 5, 7, 8 Điều 16; - Khoản 1, 2, 3, 5, 7, 8 Điều 17; - Điều 18; - Khoản 1, 3, 4 Điều 19; - Khoản 2, 7 Điều 24; - Khoản 1, 5 Điều 26; - Điều 27; - Điều 29; - Khoản 4 Điều 30; - Khoản 1, 2, 5, 6 Điều 31; - Khoản 1, 3, 4 Điều 32; - Điểm d khoản 5, khoản 6 Điều 51; - Điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 58; | | |

| | | | | |
|----|------------------|---|--|------------|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm c khoản 1, đoạn mở đầu khoản 2, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3, đoạn mở đầu khoản 4 Điều 59; - Đoạn mở đầu khoản 2, đoạn mở đầu khoản 3, điểm c khoản 3, đoạn mở đầu khoản 4, điểm d khoản 4, điểm d khoản 5, đoạn mở đầu khoản 6 Điều 60; - Điều 61; - Đoạn mở đầu khoản 2, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 62; - Khoản 3, 4 Điều 63; - Điểm c khoản 4, đoạn mở đầu khoản 5, điểm c khoản 5, khoản 6 Điều 64; - Điểm a khoản 1, điểm b khoản 1, điểm e khoản 2, điểm p khoản 2, điểm q khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, điểm d, điểm e, điểm g khoản 7 Điều 65. | | |
| 4. | Nghị định | <p>134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Tên Nghị định; - Các Điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19; - Tên mục 1 “Mục 1. Lĩnh vực điện lực” tại Chương II; - Tên mục 2 “Mục 2. Lĩnh vực an toàn đập thủy điện” tại Chương II; - Tên mục 3 “Mục 3. Lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” tại Chương II; - Khoản 4, 5 Điều 20; - Khoản 2, 4 Điều 21; - Điều 22; - Khoản 3, 4 Điều 23; | 31/01/2022 |

| | | | | | |
|----|------------------|--|--|--|------------|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 4 Điều 24; - Khoản 2 Điều 25; - Điều 26; - Khoản 3 Điều 27; - Khoản 3, 4 Điều 28; - Các Điều 29, 30; - Khoản 2 Điều 31; - Điều 32; - Chương III; - Tên Điều 46; - Điều 47. | | 31/01/2022 |
| 5. | Nghị định | 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 4 Điều 4; - Khoản 6, 7 Điều 6; - Điểm c, d khoản 11 Điều 8; - Điểm b khoản 3 Điều 9 - Điểm c, d khoản 3 Điều 10; - Điểm b khoản 3 Điều 11; - Điểm c, d khoản 3 Điều 12; - Điểm b khoản 3 Điều 13; - Điểm c, d khoản 3 Điều 14; - Điểm b khoản 4 Điều 15; - Điểm b khoản 3 Điều 18; - Điểm b khoản 3 Điều 19; - Điểm b khoản 2 Điều 20; - Khoản 3 Điều 21; - Điểm b khoản 2 Điều 22; - Khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 23; - Khoản 3 Điều 26; | | |

| | | |
|--|---|--|
| | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3 Điều 27; - Khoản 3 Điều 28; - Điều 30; - Khoản 6 Điều 31; - Điểm b khoản 4 Điều 32; - Điểm d khoản 1, điểm c và điểm d khoản 2, điểm c khoản 3, khoản 4 và điểm b khoản 6 Điều 33; - Khoản 1, điểm c khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 35; - Khoản 4 của Điều 38 - Điểm b khoản 6, khoản 7 Điều 41; - Điểm b khoản 6 Điều 43; - Khoản 6 Điều 44; - Khoản 4 Điều 47; - Khoản 7 Điều 61; - Điểm a khoản 1, điểm đ khoản 1, điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 62; - Điểm a khoản 1, điểm đ khoản 3 Điều 63; - Điểm a khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 64; - Điểm a và điểm b khoản 1, điểm a khoản 2, điểm c khoản 3, khoản 5 Điều 65; - Điểm a khoản 3, điểm a, d khoản 4, điểm a khoản 6 Điều 66; - Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 67; - Điều 68; - Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 69; - Điểm b khoản 3, cụm từ “doanh nghiệp” tại điểm i khoản 6; điểm c, điểm d, điểm đ, điểm | |

| | | | | |
|----|------------------|---|---|---|
| | | | <p>n và điểm p khoản 7; điểm d và điểm e khoản 8; cụm từ “doanh nghiệp” tại điểm i khoản 6; điểm c, điểm d, điểm đ, điểm n và điểm p khoản 7; điểm d và điểm e khoản 8; điểm e khoản 9 Điều 73;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b khoản 5 Điều 74; - Khoản 2 Điều 80; - Các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87. | 31/01/2022 |
| 6. | Nghị định | 99/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 6, khoản 7 Điều 20; - Khoản 5 Điều 21; - Điểm a khoản 5 Điều 36; - Điểm a khoản 5 Điều 38; - Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 39; - Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 40; - Điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 42; - Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 43; - Điểm b khoản 5 Điều 44, điểm b khoản 4 Điều 45, điểm b khoản 4 Điều 46, điểm a khoản 5 Điều 52, điểm b khoản 4 Điều 53; - Các Điều 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63. | |
| 7. | Nghị định | 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 11 Điều 1; - Khoản 3 Điều 9; - Điều 10; - Điểm a khoản 2, khoản 8, khoản 9 Điều 12; - Cụm từ “hỗn hợp chất” tại khoản 1 Điều 13; - Khoản 4 Điều 15; - Điểm a khoản 1; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 16; | <p>Hết hiệu lực theo Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>22/12/2022</p> |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 4, điểm c khoản 8, điểm b, điểm d khoản 9 Điều 20; - Khoản 2, điểm a khoản 5 Điều 21; - Điều 23; - Điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 27; - Khoản 1 Điều 31; - Điểm a khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 36; - Phụ lục II và Phụ lục VI. | |
|--|--|--|--|

THÔNG TƯ

| | | | | | |
|-----------|-----------------|---|--|---|------------|
| 8. | Thông tư | <p>38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 1; - Khoản 3 và khoản 4 Điều 2; - Khoản 2 Điều 3; - Điều 6; - Khoản 7 và khoản 10 Điều 7; - Điều 12; - Khoản 4 Điều 13; - Khoản 3 và khoản 4 Điều 14; - Cụm từ “thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu”; - Cụm từ “Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu”; - Cụm từ “thương nhân sản xuất xăng dầu”. | <p>Hết hiệu lực theo Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều</p> | 02/01/2022 |
| 9. | Thông tư | <p>28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu,</p> | Điều 1 | <p>Hết hiệu lực theo Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều</p> | 02/01/2022 |

| | | | | | | |
|-----|-----------------|---|--|--|--|------------|
| | | kinh doanh đánh giá sự phù hợp, xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. | | | của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu. | |
| 10. | Thông tư | 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển | Phụ lục 1 | | Hết hiệu lực theo Thông tư số 19/2021/TT-BCT ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển. | 12/01/2022 |
| 11. | Thông tư | 40/2019/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương. | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 5 Điều 13; - Điểm a khoản 1 Điều 14; - Khoản 1 Điều 20; - Khoản 2 và khoản 5 Điều 22; - Khoản 1 Điều 23; - Khoản 1 và khoản 4 Điều 25. | | Hết hiệu lực theo Thông tư số 18/2021/TT-BCT ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương. | 19/01/2022 |
| 12. | Thông tư | 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3 Điều 3; - Cụm từ “3. Người ban hành phương án kiểm tra chịu trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phương án kiểm tra của Đoàn kiểm tra.” tại Điều 12; - Khoản 2 Điều 14; - Điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 18; | | Hết hiệu lực theo Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, | 01/02/2022 |

| | | | | | |
|-----|-----------------|---|--|--|------------|
| | | chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 19; - Đoạn mở đầu Khoản 1 Điều 20; - Đoạn mở đầu Khoản 1 Điều 22; - Điều 24; - Điểm b khoản 2 Điều 25; - Đoạn mở đầu Khoản 2 Điều 29; - Điểm h khoản 2 Điều 30; - Khoản 2 Điều 32; - Khoản 1 Điều 33. | thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường. | |
| 13. | Thông tư | 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | Điều 5 | Hết hiệu lực theo Thông tư số 23/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về danh mục chủng loại, tiêu chuẩn chất lượng khoáng sản xuất khẩu do Bộ Công Thương quản lý. | 01/02/2022 |
| 14. | Thông tư | 41/2019/TT-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc bổ sung Danh mục chỉ tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại một số Thông tư của Bộ Công Thương | Điều 5 | Hết hiệu lực theo Thông tư số 23/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về danh mục chủng loại, tiêu chuẩn chất lượng khoáng sản xuất khẩu do Bộ Công Thương quản lý. | 01/02/2022 |
| 15. | Thông tư | 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 | - Điểm a khoản 3 Điều 4; | Hết hiệu lực theo Thông tư số 22/2021/TT-BCT | 01/02/2022 |

| | | | | |
|--|---|---------------------------|---|--|
| | <p>* của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Thông tư số 54/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường)</p> | <p>- Khoản 3 Điều 19.</p> | <p>ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường.</p> | |
|--|---|---------------------------|---|--|

| | | | | | |
|-----|-----------------|---|--|---|-------------------------|
| 16. | Thông tư | 33/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định Hệ thống tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam | - Điểm a Khoản 2 Điều 6; - Phụ lục 2 | Hết hiệu lực theo Thông tư số 25/2021/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Hệ thống tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam. | 07/02/2022 |
| 17. | Thông tư | 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 quy định về quản lý website thương mại điện tử | - Khoản 2 Điều 1; - Tên của Chương II; - Điều 3, 4, 5, 6; - Điều 13; - Điều 20; - Phụ lục Đơn đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử (Mẫu TMDT-1). | Hết hiệu lực theo Thông tư số 01/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động. | 08/3/2022 |
| 18. | Thông tư | 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động | - Khoản 2 Điều 1, - Khoản 2 Điều 2; - Khoản 8 Điều 3; - Khoản 1 Điều 5; - Điều 10; - Điều 13. | Hết hiệu lực theo Thông tư số 10/2022/TT-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN. | 08/3/2022 |
| 19. | Thông tư | 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN | - Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 1; - Phụ lục I; Phụ lục III. Phụ lục II | Hết hiệu lực theo Thông tư số 10/2022/TT-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN. | 16/7/2022 01/11/2022 |

| | | | | | |
|-----|-----------------|---|---|--|------------|
| 20. | Thông tư | 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc | - Phụ lục II; - Điều 2. | Hết hiệu lực theo Thông tư số 09/2022/TT-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc. | 01/8/2022 |
| 21. | Thông tư | 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện | Khoản 6 Điều 7 | Hết hiệu lực theo Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện. | 18/10/2022 |
| 22. | Thông tư | 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 3; - Giải thích ký hiệu "V_{CSH}" và "ROE_N" tại khoản 7 Điều 5; - Khoản 3, điểm a khoản 6 Điều 6; - Khoản 1, 4, 5 Điều 7; - Điểm d khoản 2 Điều 8; - Điều 9; - Cụm từ "Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia" tại khoản 2 Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 8 Điều 2, khoản 3 Điều 3, Điều 4, điểm b khoản 2 Điều 8, điểm c khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 3 Điều 8; - Cụm từ "Tổng công ty Điện lực" tại khoản 2 Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 3 Điều 2; - Cụm từ "theo quy định của Tập đoàn Điện lực | Hết hiệu lực theo Thông tư số 14/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện. | 22/11/2022 |

| | | | | |
|-----|---|--|---|------------|
| | | Việt Nam” tại điểm a khoản 2 Điều 6, điểm d khoản 6 Điều 6. | | |
| 23. | Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất | <ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 1, điểm b khoản 1 Điều 1; - Điều 3; - Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4; - Khoản 1 Điều 5; - Khoản 3, 4, 5 Điều 6; - Khoản 1 Điều 7; - Khoản 1, khoản 2 Điều 8; - Khoản 1 và khoản 2 Điều 9; - Khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 10; - Điểm b khoản 3 Điều 11; - Các Phụ lục 1, 2, 3, 5, 6; - Phần 3 Phụ lục 7; - Mục 6, 9, 10 Phụ lục 8. | Hết hiệu lực theo Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. | 22/12/2022 |
| 24. | Thông tư 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2, 4 Điều 2; - Khoản 2 Điều 3; - Điều 4; - Khoản 3 Điều 6; - Điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 6; - Điều 8; - Điều 10; - Khoản 1 Điều 11; - Suất tiêu hao nhiên liệu tinh và giá nhiên liệu chính tại Phụ lục 2. | Hết hiệu lực theo Thông tư số 31/2022/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện. | 28/12/2022 |
| 25. | Thông tư 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ | <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 4 Điều 3; - Khoản 3 Điều 7; | | 28/12/2022 |

| | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|
| | | Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện | <ul style="list-style-type: none">- Khoản 2 Điều 13;- Điểm c khoản 3 Điều 15;- Điểm c khoản 1.3 mục I Phụ lục V của Hợp đồng mua bán điện mẫu;- Điều 27. | | |
|--|--|--|---|--|--|